

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO - TÂN TẠO GROUP

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MỤC LỤC

Trang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bảng cân đối kế toán	1 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	6 - 7
Thuyết minh báo cáo tài chính	8 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO - TÂN TẠO GROUP

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

ĐVT: VNĐ

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.420.983.214.694	1.919.823.321.218
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	III.1	51.362.321.876	26.805.881.773
1.	Tiền	111		51.362.321.876	26.602.289.573
2.	Các khoản tương đương tiền	112			203.592.200
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1.	Đầu tư ngắn hạn	121			
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.567.083.254.911	1.023.076.076.602
1.	Phải thu khách hàng	131	III.2	462.282.084.402	390.059.018.518
2.	Trả trước cho người bán	132	III.3	681.291.885.623	331.029.582.704
3.	Các khoản phải thu khác	135	III.4	423.509.284.886	301.988.690.380
IV.	Hàng tồn kho	140	III.5	787.196.137.502	839.617.463.192
1.	Hàng tồn kho	141		787.196.137.502	839.617.463.192
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		15.341.500.405	30.323.899.651
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		13.599.465.232	30.013.176.955
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152			
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	III.6	1.742.035.173	310.722.696

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO - TÂN TẠO GROUP

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

DVT: VNĐ

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.709.584.486.884	4.294.194.124.924
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		1.668.811.623.672	634.940.800.540
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	III.2	1.668.811.623.672	634.940.800.540
II.	Tài sản cố định	210		162.991.307.839	155.742.294.310
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	III.7	49.431.605.564	52.857.492.633
	Nguyên giá	222		73.621.926.112	68.761.450.904
	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.190.320.548)	(15.903.958.271)
2.	Tài sản cố định vô hình	227	III.8	2.466.918.072	3.326.161.164
	Nguyên giá	228		4.296.215.505	4.296.215.505
	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.829.297.433)	(970.054.341)
3.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		111.092.784.203	99.558.640.513
III.	Bất động sản đầu tư	240			
	Nguyên giá	241			
	Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.853.497.292.492	3.498.605.122.775
1.	Đầu tư vào công ty con	251		1.395.004.371.461	1.393.528.232.231
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	III.10	160.000.000.000	160.000.000.000
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	III.11	2.302.092.921.031	1.949.129.390.544
4.	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(3.600.000.000)	(4.052.500.000)
V.	Lợi thế thương mại	260			
VI.	Tài sản dài hạn khác	270		24.284.262.881	4.905.907.299
1.	Chi phí trả trước dài hạn	271		22.913.446.281	902.878.694
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272			
3.	Tài sản dài hạn khác	278		1.370.816.000	4.003.028.605
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		8.130.567.701.578	6.214.017.446.142

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO - TÂN TẠO GROUP

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

DVT: VND

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A-	NỢ PHẢI TRẢ	300		2.317.153.726.493	1.330.246.885.314
I.	Nợ ngắn hạn	310		1.149.569.870.140	672.037.404.454
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	III.13	628.183.730.248	313.690.760.401
2.	Phải trả người bán	312		79.629.171.836	40.082.680.080
3.	Người mua trả tiền trước	313	III.14	6.380.751.015	52.472.283.142
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	III.15	39.307.984.712	35.486.233.586
5.	Phải trả người lao động	315			
6.	Chi phí phải trả	316		141.773.925.041	3.317.276.312
7.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	III.16	254.294.307.288	226.988.170.933
II.	Nợ dài hạn	320		1.167.583.856.353	658.209.480.860
1.	Phải trả dài hạn khác	333		57.991.713.915	8.680.294.159
2.	Vay và nợ dài hạn	334	III.17	983.577.110.732	579.656.853.620
3.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		125.557.003.931	69.221.473.958
4.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		458.027.775	650.859.123
B -	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	III.18	5.813.413.975.085	4.883.770.560.828
I.	Vốn chủ sở hữu	410		5.813.335.805.085	4.883.692.390.828
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		3.412.755.650.000	2.059.477.920.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		1.883.491.883.511	2.629.731.215.771
3.	Cổ phiếu quỹ	414		(7.697.527.500)	(2.989.630.000)
4.	Quỹ dự phòng tài chính	418		1.500.000.000	1.500.000.000
5.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		523.285.799.074	195.972.885.057
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		78.170.000	78.170.000
1.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		78.170.000	78.170.000
C-	LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500			
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		8.130.567.701.578	6.214.017.446.142

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO - TÂN TẠO GROUP

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU		Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài			
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4.	Nợ khó đòi đã xử lý			
5.	Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		33,697	14,657
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

TP. Hồ Chí Minh, Ngày tháng 01 năm 2011

TRẦN ĐÌNH HƯNG
Kế toán trưởng

THÁI VĂN MẾN
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO - TÂN TẠO GROUP

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

ĐVT: VNĐ

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Quý VI		Lũy kế từ đầu năm	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	IV.1	1.038.461.480.239	325.367.429.334	2.359.458.198.948	1.165.449.427.255
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	3		95.462.789.489	149.878.232.400	163.915.511.093	149.878.232.400
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dv	10	IV.1	942.998.690.750	175.489.196.934	2.195.542.687.855	1.015.571.194.855
4.	Giá vốn hàng bán	11		674.218.133.704	169.574.327.028	1.737.360.347.164	756.862.246.575
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dv	20		268.780.557.046	5.914.869.906	458.182.340.691	258.708.948.280
6.	Doanh thu hoạt động TC (*)	21	IV.2	154.230.134.028	204.927.841.624	592.296.065.079	329.414.715.519
7.	Chi phí tài chính	22	IV.3	11.650.402.773	19.513.755.077	39.025.882.312	46.258.844.417
	Trong đó: chi phí lãi vay	23					
8.	Chi phí bán hàng	24				246.397.761	344.185.125
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		14.188.367.877	16.279.845.175	60.528.000.585	63.709.524.714
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	30		397.171.920.424	175.049.111.278	950.678.125.112	477.811.109.543
11.	Thu nhập khác	31		147.883.818	47.047.486.887	2.484.783.196	48.157.874.672
12.	Chi phí khác	32		1.158.558.244	42.723.687.056	1.197.480.619	43.392.402.496
13.	Lợi nhuận khác	40		(1.010.674.426)	4.323.799.831	1.317.302.577	4.765.472.176
14.	Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	50					
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		396.161.245.998	179.372.911.109	951.995.427.689	482.576.581.719
15.1	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp h.hành	61		22.090.202.837	11.267.508.450	36.293.220.699	22.870.713.305
15.2	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	62		39.000.108.662	(8.562.455.309)	56.335.529.973	45.484.340.856
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	70		335.070.934.499	176.667.857.968	859.366.677.017	414.221.527.558
17.1	Lợi ích của cổ đông thiểu số						
17.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ						
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	IV.4			2.539	2.012

(*) Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm khoản tiền lãi trả chậm của hoạt động cho thuê đất và nhà xưởng phát sinh trong kỳ và cổ tức được chia từ các công ty liên doanh liên kết.

TP. Hồ Chí Minh, Ngày tháng 01 năm 2011

TRẦN ĐÌNH HUNG
Kế toán trưởng

THÁI VĂN MẾN
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO - TÂN TẠO GROUP

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

ĐVT: VNĐ

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	1		951.995.427.689	482.576.581.719
2.	Điều chỉnh cho các khoản:				
	Khấu hao tài sản cố định	2	III.8,III.9	9.145.605.369	7.429.690.834
	Các khoản dự phòng	3	IV.4	(452.500.000)	(50.149.383.000)
	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4			67.686.796
	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5	IV.3,IV.4	(584.250.508.560)	(273.130.795.282)
	Chi phí lãi vay	6	IV.4	32.484.532.153	28.241.382.109
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		408.922.556.651	195.035.163.176
	Tăng, giảm các khoản phải thu	9		(1.690.965.463.289)	(1.076.280.778.576)
	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		52.358.418.417	(307.999.802.139)
	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		318.011.638.564	392.804.225.683
	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(5.596.855.864)	(29.739.408.471)
	Tiền lãi vay đã trả	13		(32.484.532.153)	(25.814.949.597)
	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(30.297.794.297)	(6.000.000.000)
	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			
	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(769.786.608)	
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(980.821.818.579)	(857.995.549.924)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ các tài sản dài hạn khác	21		(13.762.406.893)	(150.528.783.813)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			42.827.700.000
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(352.900.623.214)	171.266.214.270
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.476.139.230)	(136.372.139.230)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	IV.3	584.250.508.560	211.013.601.045
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		216.111.339.223	138.206.592.272

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO - TÂN TẠO GROUP

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

ĐVT: VNĐ

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	III.18	75.000.000.000	
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32		(4.146.307.500)	(48.530.000)
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	III.15, III.20	1.297.392.393.046	1.217.220.574.867
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	III.15, III.20	(578.979.166.087)	(561.991.286.656)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			(489.141.230)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		789.266.919.459	655.180.758.211
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		24.556.440.103	(64.608.199.441)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	III.1	26.805.881.773	91.414.081.214
	Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61			
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	III.1	51.362.321.876	26.805.881.773

TP. Hồ Chí Minh, Ngày tháng 01 năm 2011

TRẦN ĐÌNH HƯNG
Kế toán trưởng

THÁI VĂN MẾN
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO - TÂN TẠO GROUP

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103001108 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 7 năm 2002 đã được điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy phép số 68/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 11 năm 2006.

Hoạt động chính của Công ty là phát triển khu công nghiệp và hạ tầng khu công nghiệp; đầu tư xây dựng và kinh doanh khu công nghiệp, khu dân cư đô thị; cho thuê đất đã được xây dựng xong cơ sở hạ tầng; cho thuê hoặc bán nhà xưởng do Công ty xây dựng trong khu công nghiệp; kinh doanh các dịch vụ trong khu công nghiệp; dịch vụ tư vấn đầu tư, tư vấn khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ; xây dựng công nghiệp, dân dụng, giao thông; dịch vụ giao nhận hàng hóa và dịch vụ cho thuê kho bãi, xây dựng các công trình điện đến 35 KV; kinh doanh nhà ở (xây dựng, sửa chữa nhà để bán hoặc cho thuê); dịch vụ truyền số liệu, dịch vụ truyền tập điện tử, truy cập từ xa; dịch vụ truy cập dữ liệu theo các phương thức khác nhau; cung cấp dịch vụ truy nhập internet, cung cấp dịch vụ ứng dụng internet (ISP), cung cấp nội dung thông tin trên internet (chỉ hoạt động khi được cấp phép theo qui định của pháp luật); các dịch vụ lưu trữ và cung cấp thông tin; dịch vụ tổ chức hội chợ, triển lãm, hội nghị, hội thảo.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lô 16, Đường số 2, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

II. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

1. Chuẩn mực và hệ thống kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính riêng của Công ty, được trình bày bằng đồng Việt Nam phù hợp với Hệ thống Kế toán và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán riêng, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và thuyết minh báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO - TÂN TẠO GROUP

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Người sử dụng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty và các Công ty con.

2. *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

3. *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

4. *Đơn vị tiền tệ kế toán*

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc (giá gốc là giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại) và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại được xác định như sau:

Giá gốc của đất và cơ sở hạ tầng - Bao gồm chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, chi phí làm đường và xây dựng hệ thống thoát nước, chi phí trồng cây xanh và các cơ sở hạ tầng khác phát sinh để đưa các lô đất và hạ tầng liên quan vào sử dụng. Giá gốc của đất và hạ tầng liên quan chưa bán được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

3. *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO - TÂN TẠO GROUP

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

4. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi bảng cân đối kế toán riêng và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

5. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

6. Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và khấu trừ tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm	5 năm

Theo định kỳ, thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định và tỷ lệ khấu hao được xem xét lại nhằm đảm bảo rằng phương pháp và thời gian trích khấu hao nhất quán với lợi ích kinh tế dự kiến sẽ thu được từ việc sử dụng tài sản cố định.

7. Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phân thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO - TÂN TẠO GROUP

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

8. *Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

9. *Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác*

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính của doanh nghiệp trong năm.

10. *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh, ngoại trừ các khoản chi phí hội đủ điều kiện để vốn hóa. Việc vốn hóa chi phí đi vay áp dụng cho các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản dở dang.

11. *Các khoản phải trả và trích trước*

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

12. *Trích lập trợ cấp mất việc làm*

Trợ cấp mất việc làm cho nhân viên được trích lập vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ công nhân viên đã làm việc tại Công ty được hơn 1 năm với mức trích lập bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

13. *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ ghi sổ kế toán của Công ty (đồng Việt Nam) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

14. *Cổ phiếu ngân quỹ*

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu ngân quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO - TÂN TẠO GROUP

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

15. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ nguồn lợi nhuận sau thuế theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Việc trích lập Quỹ dự phòng tài chính nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh bình thường của Công ty khi xảy ra các rủi ro hoặc lỗ trong kinh doanh hoặc là nhằm dự phòng cho các khoản lỗ hoặc thiệt hại ngoài dự kiến do các nguyên nhân khách quan và các trường hợp bất khả kháng, ví dụ như cháy nổ, bất ổn kinh tế và tài chính của quốc gia hoặc ở một nơi nào khác, v.v....

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên.

16. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán lô đất và đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng

Doanh thu bán lô đất và đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được xác định là tổng số tiền được nhận khi đất và đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được bàn giao cho khách hàng.

Doanh thu cho thuê tài chính nhà xưởng, kho bãi và văn phòng

Doanh thu cho thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu khi tài sản cho thuê được chuyển giao cho bên đi thuê.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu dịch vụ cung cấp được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp cho khách hàng và được xác định là giá trị thuần sau khi trừ các khoản chiết khấu, thuế giá trị gia tăng và các khoản giảm giá.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

17. Thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO - TÂN TẠO GROUP

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

III. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

VNĐ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	59.317.942	605.928.906
Tiền gửi ngân hàng	51.303.003.934	26.199.952.867
Các khoản tương đương tiền		
Cộng	<u>51.362.321.876</u>	<u>26.805.881.773</u>

2. Phải thu của khách hàng

VNĐ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu từ các bên liên quan	1.035.500.504.143	798.620.215.600
Phải thu các khách hàng khác	1.095.593.203.931	226.379.603.458
Cộng	<u>2.131.093.708.074</u>	<u>1.024.998.604.058</u>
Trong đó:		
Phải thu ngắn hạn	462.282.084.402	390.059.018.518
Phải thu dài hạn	1.668.811.623.672	634.940.800.540

3. Trả trước cho người bán

VNĐ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan		1.274.781.000
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	681.291.885.623	329.754.801.704
Cộng	<u>681.291.885.623</u>	<u>331.029.582.704</u>

4. Các khoản phải thu khác

VNĐ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu từ các bên liên quan	263.387.664.908	239.112.552.189
Phải thu khác	160.121.619.978	62.876.138.191
Cộng	<u>423.509.284.886</u>	<u>301.988.690.380</u>

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho thể hiện giá trị đầu tư theo giá gốc của các lô đất KCN chưa bán (bao gồm chi phí đền bù giải phóng mặt bằng và xây dựng cơ sở hạ tầng phát sinh trong quá trình phát triển các KCN) và các chi phí xây dựng dở dang của các khu đất chưa hoàn thành trong các KCN và khu đô thị E.City đang trong giai đoạn triển khai.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO - TÂN TẠO GROUP

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

6. Tài sản ngắn hạn khác

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	1.732.035.173	300.722.696
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.000.000	10.000.000
Cộng	1.742.035.173	310.722.696

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

VNĐ

	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, DC quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	45.345.008.607	4.364.557.809	17.103.338.522	1.948.545.966	68.761.450.904
Mua trong kỳ	2.916.093.127	181.003.663	1.485.622.867	277.755.551	4.860.475.208
XDCB hoàn thành					
Giảm khác					
Số cuối kỳ	48.261.101.734	4.545.561.472	18.588.961.389	2.226.301.517	73.621.926.112
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	7.152.183.300	1.589.733.319	5.481.524.926	1.680.516.726	15.903.958.271
Khấu hao trong kỳ	4.678.220.067	760.209.812	2.650.310.906	197.621.492	8.286.362.277
Giảm khác					
Số cuối kỳ	11.830.403.367	2.349.943.131	8.131.835.832	1.878.138.218	24.190.320.548
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	38.192.825.307	2.774.824.490	11.621.813.596	268.029.240	52.857.492.633
Số cuối kỳ	36.430.698.367	2.195.618.341	10.457.125.557	348.163.299	49.431.605.564

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

VNĐ

	Quyền sử dụng đất	TS vô hình khác	Tổng
Nguyên giá			
Số đầu năm		4.296.215.505	4.296.215.505
Mua trong kỳ		-	
Giảm trong kỳ		-	
Số cuối kỳ		4.296.215.505	4.296.215.505
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm		970.054.341	970.054.341
Khấu hao trong kỳ		859.243.092	859.243.092
Giảm trong kỳ			
Số cuối kỳ		1.829.297.433	1.829.297.433
Giá trị còn lại			
Số đầu năm		3.326.161.164	3.326.161.164
Số cuối kỳ		2.466.918.072	2.466.918.072

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO - TÂN TẠO GROUP

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

9. Đầu tư vào công ty con

VND

Tên Công ty	Tỷ lệ tham gia (%)	Giá trị đầu tư cuối kỳ
Công Ty CP Bầu Trời Tân Tạo Mê Kông	51	5.466.000.000
Công ty CP Đầu Tư Tân Đức	94	1.180.000.000.000
Cty TNHH Khai Thác DV KD VP NX Tân Tạo (Taserco)	100	200.000.000.000
Cty CP Khai Thác & PT Kho Vận Tân Tạo (itatrans)	90	5.110.371.461
Công ty CP Đầu tư Tân Tạo 276	51	4.425.000.000
Công Ty CP ĐT KD Đô Thị Tân Tạo.	51	3.000.000
Tổng		<u>1.395.004.371.461</u>

Công ty TNHH Khai thác dịch vụ - Kinh doanh Văn phòng và Nhà xưởng Tân Tạo là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4104000027 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 9 năm 2001. Hoạt động chính của đơn vị là mua, bán và cho thuê nhà ở, nhà xưởng, văn phòng, nhà kho; và cung cấp dịch vụ sửa chữa. Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu của Công ty TNHH Khai thác dịch vụ - Kinh doanh Văn phòng và Nhà xưởng Tân Tạo.

Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Đức là công ty cổ phần, được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5003000109 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp ngày 27 tháng 6 năm 2006. Hoạt động chính của đơn vị là đầu tư, xây dựng và phát triển khu công nghiệp, khu đô thị, bến cảng và cung cấp các dịch vụ phụ trợ; cho thuê mặt bằng, nhà xưởng, văn phòng, khách sạn, nhà hàng và trung tâm thương mại. Công ty nắm giữ 94% vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Đức.

Công ty Cổ phần Khai thác & Phát triển Kho vận Tân Tạo là công ty cổ phần, được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103000408 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 8 tháng 5 năm 2001. Hoạt động chính của đơn vị là giao nhận hàng hoá trong và ngoài nước bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt và đường bộ; đại lý giao nhận hàng xuất nhập khẩu bằng đường hàng không, đường biển, đường sắt và đường bộ; cho thuê kho bãi, dịch vụ bốc xếp, lưu trữ và đóng gói hàng hoá, dịch vụ khai thuế hải quan. Công ty nắm giữ 90% vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Khai thác & Phát triển Kho vận Tân Tạo.

Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Tạo 276 là công ty cổ phần, được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103008558 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 11 năm 2007. Hoạt động chính của đơn vị là xây dựng và quản lý các khu phức hợp văn phòng, căn hộ cao cấp và trung tâm thương mại và cung cấp các dịch vụ phụ trợ như dịch vụ xử lý rác. Công ty nắm giữ 51% vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Tạo 276.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO - TÂN TẠO GROUP

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Công ty Cổ phần Bầu trời Tân Tạo Mê Kông là công ty cổ phần, được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103010071 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 4 năm 2008. Hoạt động chính của đơn vị là xây dựng công trình dân dụng và cung cấp các dịch vụ. Công ty nắm giữ 51% vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Bầu trời Tân Tạo Mê Kông.

10. Đầu tư vào các công ty liên kết

Tập đoàn đã đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

VNĐ		
Tên Công ty	Tỷ lệ tham gia (%)	Giá trị đầu tư cuối kỳ
Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển đô thị Tân Tạo	40%	157.000.000.000
Công ty Cổ phần KCN cơ khí năng lượng Tân Tạo	49%	3.000.000.000
Tổng		160.000.000.000

Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Cơ khí - Năng lượng Agrimeco Tân Tạo được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0503000261 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp ngày 24 tháng 10 năm 2007. Hoạt động chính của đơn vị là xây dựng khu công nghiệp, hệ thống cơ sở hạ tầng, cung cấp các dịch vụ phụ trợ trong khu công nghiệp và các dịch vụ kho vận khác.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Tân Tạo được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4103000413 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 5 năm 2001. Hoạt động chính của đơn vị là kinh doanh nhà, xây dựng khu dân cư và khu công nghiệp và tư vấn đầu tư.

11. Đầu tư dài hạn khác

Là những khoản góp vốn vào các đơn vị khác để thực hiện đầu tư các dự án mà Tập đoàn có thể mạnh hoặc là các loại hình kinh doanh dịch vụ phụ trợ cho các hoạt động chính của Tập đoàn như: Công ty cổ phần phát triển hạ tầng Tân Tạo, Công ty cổ phần năng lượng Tân Tạo, Công ty cổ phần phát triển Tân Tạo, Công ty cổ phần KCN Sài Gòn – Nhơn Hội...

12. Chi phí lãi vay vốn hóa

Trong kỳ, Công ty đã phát sinh khoản chi phí lãi vay vốn hóa 124.186.347.890 VNĐ. Khoản chi phí này liên quan đến các khoản vay nhằm tài trợ cho việc xây dựng và phát triển các công trình, cơ sở hạ tầng trong khu công nghiệp Tân Tạo, Khu E.city, Trung Tâm Nhiệt Điện Kiên Lương.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO - TÂN TẠO GROUP

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

13. Vay và nợ ngắn hạn

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn từ ngân hàng	352.964.000.000	168.463.409.601
Vay dài hạn đến hạn trả	275.219.730.248	145.227.350.800
	628.183.730.248	313.690.760.401

Chi tiết vay ngắn hạn ngân hàng:

Ngân hàng	Số cuối năm	Thời hạn và ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức thế chấp
VNĐ				
Ngân hàng	Số cuối năm	Thời hạn và ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức thế chấp
Ngân hàng Hồng Kông và Thượng Hải (HSBC)	7.000.000.000	Vay luân chuyển ngắn hạn kỳ hạn 4 tháng	Chi phí vốn + 2,5% /năm	Các khoản phải thu trị giá 3.500.000 đô-la Mỹ
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam	48.000.000.000	Gốc vay được trả trong 2 kỳ, mỗi kỳ cách nhau 6 tháng	15%/năm	Quyền sử dụng đất lô 12, lô 18A, lô 56, lô 14
Ngân hàng TMCP Nam Việt	30.000.000.000	Vay luân chuyển ngắn hạn kỳ hạn 12 tháng	15%/năm	Tiền gửi ngắn hạn ngân hàng Nam Việt
Ngân hàng Công Thương SGD II	90.000.000.000	Vay vốn lưu động cho dự án E.city	15,2%/năm	Quyền sử dụng đất khu E.city
Ngân hàng Phương Tây	137.500.000.000	Vay bổ sung vốn lưu động	14,5%/năm	10 tr cổ phiếu ITA
TỔNG CỘNG	352.964.000.000			

Tập đoàn thực hiện các khoản vay ngắn hạn nhằm mục đích tài trợ nhu cầu vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO - TÂN TẠO GROUP

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Chi tiết vay dài hạn đến hạn trả:

VNĐ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng	267.488.000.000	140.786.799.800
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu		926.000.000
Ngân hàng Công thương Việt Nam	74.800.000.000	56.250.000.000
Ngân hàng BIDV CN Tây Sài Gòn		14.940.874.800
Ngân hàng BIDV CN Kiên Giang	142.856.000.000	35.714.000.000
Ngân hàng NN & PT NT	626.000.000	7.289.925.000
Ngân hàng TMCP Nam Việt	23.700.000.000	9.740.000.000
Ngân hàng Việt Nam Thương Tín	25.506.000.000	15.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu		926.000.000
Khác	7.731.730.248	5.366.551.000
Công ty Phương Nam	5.250.000.000	4.200.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	2.481.730.248	1.166.551.000
Cộng	275.219.730.248	146.153.350.800

14. Khách hàng trả tiền trước

Đây là khoản tiền mà khách hàng thanh toán trước tiền thuê đất cho Công ty căn cứ trên các hợp đồng thuê đất đã ký. Tuy nhiên tại thời điểm lập báo cáo do một vài thủ tục cấp phép đầu tư chưa hoàn tất nên Công ty chưa đưa vào để hạch toán doanh thu cho thuê trong kỳ.

15. Thuế và các khoản phải nộp cho nhà nước

VNĐ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	35.843.899.125	29.848.472.723
Thuế thu nhập cá nhân		81.290.580
Thuế giá trị gia tăng	1.998.880.445	975.378.945
Các loại thuế khác	1.465.205.142	4.581.091.338
Tổng cộng	39.307.984.712	35.486.233.586

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng hoạt động như sau:

- Lãi tiền thuê đất, nhà xưởng chậm trả theo hợp đồng	Không chịu thuế
- Cung cấp nước	5%
- Cho thuê đất, nhà xưởng, cung cấp điện, dịch vụ khác	10%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO - TÂN TẠO GROUP

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty xác định thuế TNDN đối với hoạt động cho thuê đất, nhà xưởng và bán nền của khu đô thị E.city theo thực thu. Trong đó doanh thu cho thuê đất và nhà xưởng trong KCN sẽ được phân bổ cho từng năm theo quy định của điểm b điều 3 mục II của Thông tư 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007 hướng dẫn Nghị định số 24 qui định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Điều này làm phát sinh chênh lệch giữa lợi nhuận chịu thuế và lợi nhuận kế toán vì vậy công ty điều chỉnh phần thuế TNDN phải nộp theo lợi nhuận kế toán với mức thuế suất phổ thông là 25% và lợi nhuận chịu thuế được xác định theo thông tư 134/2007/TT-BTC vào chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong kỳ.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

16. Chi phí phải trả

Là khoản giá vốn trích trước tương ứng với phần doanh thu cho thuê đất, nhà xưởng và bán nền khu Ecity đã được ghi nhận trong kỳ. Tuy nhiên vì một phần cơ sở hạ tầng của KCN và Khu đô thị Ecity chưa hoàn thiện nên chưa hạch toán giảm giá trị hàng tồn kho trong kỳ. Đồng thời là khoản chi phí lãi vay cho nhưng hợp đồng vay mà ngày tính lãi là giữa tháng.

17. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	VNĐ	
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả cho các bên liên quan	232.110.000.000	199.750.000.000
Phải trả cho bên thứ 3	22.184.307.288	27.238.170.933
Cộng	254.294.307.288	226.988.170.933

18. Vay và nợ dài hạn

	VNĐ	
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	1.201.793.000.000	671.245.868.424
Vay dài hạn khác	57.003.840.980	53.638.335.996
Trừ:		
Vay dài hạn đến hạn trả		
Trong đó		
Vay dài hạn ngân hàng	267.488.000.000	139.860.799.800
Vay dài hạn khác	7.731.730.248	5.366.551.000
Vay và nợ dài hạn	983.577.110.732	579.656.853.620

Tập đoàn thực hiện các khoản vay này nhằm mục đích tài trợ cho việc phát triển các khu công nghiệp, khu đô thị, trung tâm nhiệt điện Kiên Lương đang triển khai. Số dư các khoản vay ngân hàng dài hạn tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Tập đoàn như sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO - TÂN TẠO GROUP

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Vay dài hạn ngân hàng:

Ngân hàng	Số cuối kỳ (VNĐ)	Thời hạn và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng công thương SGD II	260.900.000.000	60 tháng kể từ ngày rút vốn vay đầu tiên	Theo lãi suất thả nổi tại thời điểm nhận nợ.	Quyền sử dụng đất tại khu E.city Tân Đức
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	5.000.000.000	60 - 84 tháng kể từ ngày rút vốn vay đầu tiên.	0.8% - 1.18% /tháng (có thể điều chỉnh theo thoả thuận giữa hai bên)	Quyền nhận tất cả các khoản phải thu & quyền sử dụng đất
Ngân hàng Việt Nam Thương Tín	99.807.000.000	72 tháng kể từ ngày rút vốn vay đầu tiên	0.875%/tháng	15 triệu cổ phiếu của Tân Đức quyền sử dụng đất khu E.City.
Ngân hàng TMCP Nam Việt	101.800.000.000	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	0.875%/tháng	Quyền sử dụng đất tại KCN Tân Đức
Ngân hàng BIDV CN Gia Định	130.000.000.000	Hoàn trả trong 5 năm	16%/năm	14 triệu cổ phiếu ITA
Ngân hàng BIDV CN Kiên Giang	464.286.000.000	60 tháng kể từ ngày rút vốn vay đầu tiên	0,875%/tháng	QSD đất KCN Tân Tạo, Nhiệt Điện Kiên Lương, KCN Tân Đức
TỔNG CỘNG	<u>1.201.793.000.000</u>			
Trong đó:				
Đến hạn trả	267.488.000.000			
Vay dài hạn ngân hàng	924.305.000.000			

Vay dài hạn khác:

Ngân hàng	Số cuối kỳ	Thời hạn và ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức thế chấp
Công ty Cổ phần Đầu tư Tin học và Tư vấn Xây dựng Phương Nam	14.000.000.000	60 tháng	Lãi suất tiền gửi ngân hàng nhà nước + 5.8%/năm	Tín chấp
Ngân hàng đầu tư và phát triển thành phố Hồ Chí Minh	43.003.840.980	10 năm	9.3%/năm cho năm 2008. lãi suất trái phiếu Hồ Chí Minh cộng 0.5%/năm cho những năm sau	2.500.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Đức
TỔNG CỘNG	<u>57.003.840.980</u>			
Trong đó:				
Đến hạn trả	7.731.730.248			
Vay dài hạn khác	49.272.110.732			

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO - TÂN TẠO GROUP

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

19. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	VNĐ						
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Năm trước							
Số dư đầu năm	1.322.447.640.000	2.819.952.795.771	(2.941.100.000)	38.200.000.000	291.938.228.132	4.469.597.563.903	1.322.447.640.000
Tăng vốn do phát hành thêm cổ phiếu trong năm	36.621.830.000			(36.621.830.000)			36.621.830.000
Mua cổ phiếu quỹ			(48.530.000)			(48.530.000)	
Lợi nhuận tăng trong năm					414.221.526.925	414.226.925	
Trả cổ tức bằng CP							
Phân chia lợi nhuận	700.408.450.000	(190.221.580.000)			(510.186.870.000)		700.408.450.000
Số cuối năm	2.059.477.920.000	2.629.731.215.771	(2.989.630.000)	1.578.170.000	195.972.885.057	4.883.770.560.828	2.059.477.920.000
Kỳ này							
Số dư đầu năm	2.059.477.920.000	2.629.731.215.771	(2.989.630.000)	1.578.170.000	195.972.885.057	4.883.770.560.828	2.059.477.920.000
Tăng vốn do phát hành thêm cổ phiếu trong năm	75.000.000.000					75.000.000.000	75.000.000.000
Mua cổ phiếu quỹ					859.366.677.017	859.366.677.017	
Lợi nhuận tăng trong năm		(576.955.260)				(576.955.260)	
Chi phí phát hành cổ phiếu			(4.146.307.500)			(4.146.307.500)	
Phân chia lợi nhuận	1.278.277.730.000	(745.662.377.000)	(561.590.000)		(532.053.763.000)		1.278.277.730.000
Số dư cuối kỳ	3.412.755.650.000	1.883.491.883.511	(7.697.527.500)	1.578.170.000	523.285.799.074	5.813.413.975.085	3.412.755.650.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO - TÂN TẠO GROUP

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	500.000.000	500.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	341.275.565	205.987.260
<i>Cổ phiếu thường</i>	340.804.775	205.947.792
<i>Cổ phiếu quỹ</i>	(470.790)	(39.468)
Số lượng cổ phiếu chưa phát hành	158.724.435	294.052.208

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO - TÂN TẠO GROUP

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

VNĐ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	2.359.458.198.948	1.165.449.427.255
Các khoản giảm trừ doanh thu:		
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>163.915.511.093</i>	<i>149.878.232.400</i>
Doanh thu thuần	<u>2.195.542.687.855</u>	<u>1.015.571.194.855</u>
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu thuần cho thuê đất KCN, bán nền khu đô thị	2.147.489.378.383	970.743.577.524
- Doanh thu thuần cho thuê nhà xưởng	10.598.610.591	28.304.984.086
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ khác	37.454.698.881	16.522.633.245

2. Doanh thu hoạt động tài chính

VNĐ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.146.743.964	743.017.825
Lãi từ khoản phải thu tiền cho thuê đất, nhà xưởng chậm trả theo hợp đồng	3.620.009.997	4.567.041.409
Cổ tức, lợi nhuận được chia	581.480.425.000	269.461.350.000
Hoàn nhập dự phòng		54.575.619.489
Lãi đầu tư cổ phiếu	2.770.083.560	
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.278.802.558	67.686.796
Cộng	<u>592.296.065.079</u>	<u>329.414.715.519</u>

3. Chi phí tài chính

VNĐ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	32.484.532.153	28.241.382.109
Lỗ các khoản đầu tư		10.721.410.000
Dự phòng giảm giá đầu tư	2.142.241.339	4.493.923.000
Chi phí tài chính khác	4.399.108.820	2.802.129.308
Cộng	<u>39.025.882.312</u>	<u>46.258.844.417</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO - TÂN TẠO GROUP

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	859.366.677.017	414.221.527.558
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	859.366.677.017	414.221.527.558
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	338.524.830	203.846.619
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.539	2.012

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	205.947.792	132.244.764
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại đầu kỳ	(39.468)	(36.077)
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 20 tháng 3 năm 2009 từ lợi nhuận năm trước		3.662.183
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại ngày 10 tháng 6 năm 2009		(1.695)
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 10 tháng 6 năm 2009 từ lợi nhuận và thặng dư năm trước		67.975.749
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2010.	5.000.000	
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 09 tháng 06 năm 2010 từ lợi nhuận và thặng dư năm trước.	127.827.773	
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại ngày 12/07/10.	(211.267)	
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại ngày 26/10/10	(4.000)	
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại ngày 17/12/10	(6.293)	
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	338.514.537	203.846.619

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO - TÂN TẠO GROUP

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

V. CÁC THÔNG TIN KHÁC.**1. Giao dịch với các bên liên quan.**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 Công ty có giao dịch phát sinh với bên liên quan như sau:

VNĐ

Tên Công ty	Mối liên hệ	Nghiệp vụ	Số tiền
Công ty CP Phát Triển Năng Lượng Tân Tạo	Bên liên quan	Cho thuê đất với giá 100USD/m2 để xây dựng nhà máy nhiệt điện Kiên Lương	907.800.000.000
		Góp vốn	311.709.018.523
		Nhận chia cổ tức	88.000.000.000
		Tạm ứng kinh phí	74.060.000.000
Công ty CP Đại Học Tân Tạo	Bên liên quan	Góp vốn	60.700.000.000
		Thanh lý hợp đồng thuê đất	105.000.000.000
		Hoàn trả tạm ứng	4.200.000.000
Công ty CP Phát Triển Đô Thị Tân Tạo	Bên liên quan		
Công ty CP Phát Triển Tân Tạo	Bên liên quan	Góp vốn	3.000.000
Công ty CP phát triển hạ tầng Tân Tạo	Bên liên quan	Góp vốn	300.000.000
Công ty CP KT & PT Kho Vận Tân Tạo	Công ty con	Nhận chia cổ tức	173.300.000.000
		Góp vốn	996.139.230
		Tạm ứng kinh phí	900.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 công nợ với bên liên quan như sau:

VNĐ

Tên Công ty	Mối liên hệ	Nghiệp vụ	Số tiền
Công nợ phải trả			
Công ty cổ phần đô thị Tân Tạo	Công ty liên kết	Nhận ứng kinh phí	20.050.000.000
Công ty CP KT & PT Kho vận Tân Tạo	Công ty con	Tạm ứng kinh phí	900.000.000
Công ty phát triển Hạ Tầng Tân Tạo	Bên liên quan	Tạm ứng kinh phí	5.100.000.000
Công ty CP Phát Triển Năng Lượng Tân Tạo	Bên liên quan	Tạm ứng kinh phí	206.060.000.000
Công nợ phải thu			
Công ty CP Phát Triển Năng Lượng Tân Tạo	Bên liên quan	Tiền thuê đất với giá 100USD/m2 để	1.004.200.909.093

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO - TÂN TẠO GROUP

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Công ty TNHH KT DV KD VP & NX Tân Tạo	Công ty con	xây dựng nhà máy nhiệt điện Kiên Lương	
		Tạm ứng lợi nhuận	70.000.000.000
		Tạm ứng kinh phí	2.177.228.513
Công ty CP Đầu Tư Tân Đức Công ty CP KT & PT Kho vận Tân Tạo	Công ty con Công ty con	Thuê mua nhà xưởng	5.455.364.691
		Tạm ứng kinh phí	191.210.436.395
		Thuê kho ngoại quan	3.290.000.000
		Thuê mua xưởng	25.844.230.358

2. Các cam kết và các khoản nợ tiềm tàng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có các nghĩa vụ góp vốn đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết như sau:

		Vốn điều lệ		Vốn điều lệ đã góp	Số còn phải góp theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
		Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh			
		VND	%	VND	VND
Công ty Cổ phần Khai thác & Phát triển Kho vận Tân Tạo	Công ty con	90.000.000.000	90.00	5.110.371.461	84.889.628.539
Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Tạo 276	Công ty con	255.000.000.000	51.00	4.425.000.000	250.575.000.000
Công ty Cổ phần bầu trời Tân Tạo Mê Kông	Công ty con	70.803.300.000	51.00	5.466.000.000	65.337.300.000
Công ty CP ĐT KD Đô Thị Tân Tạo Mê Kông	Công ty co n	61.670.000.000	51.00	3.000.000	61.667.000.000
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Cơ khí - Năng lượng Agrimeco Tân Tạo	Công ty liê n kết	245.000.000.000	49.00	3.000.000.000	242.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Tân Tạo	Công ty liên kết	200.000.000.000	40.00	157.000.000.000	43.000.000.000
TỔNG CỘNG		922.473.300.000		175.004.371.461	747.468.928.539

Phần vốn điều lệ chưa góp trong các công ty con và công ty liên kết được dự kiến góp vốn dưới hình thức là bằng tiền theo tiến độ hoạt động là 462.468.928.539 VNĐ và bằng quyền sử dụng đất trị giá 285.000.000.000 VNĐ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO - TÂN TẠO GROUP

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

3. Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty.

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	29,78	41,11
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	70,22	58,89
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	28,50	21,41
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	71,50	78,59
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	3,51	4,67
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	2,11	3,80
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,04	0,04
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	43,36	47,52
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	39,14	40,78
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	11,71	7,77
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	10,57	6,67
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	14,78	8,48

TP. Hồ Chí Minh, Ngày tháng 01 năm 2011

TRẦN ĐÌNH HUNG
Kế toán trưởng

THÁI VĂN MẾN
Tổng Giám đốc